Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 377

TÔN GIẢ MAHĀKASSAPA

377

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*

- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*

- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

dấu, ***tô màu*** *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. ***Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?***

- *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*

- *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*

- *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*
- *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*
- *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

– *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*

– *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Hạnh tri túc - Kinh Tri Túc – Tương II, 335

Tri Túc – *Tương* II, 335

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- **Tri túc**, **là Kassapa** này, với bất cứ loại y nào,
- Và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào;
- Không vì y làm điều bất chánh, bất xứng.
- Nếu không được y, vị này không có dao động.
- Và nếu được y, vị này dùng y không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

3) Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kasssapa này, với bất cứ đồ ăn khất thực nào, tán thán hạnh tri túc với bất cứ đồ ăn khất thực nào; không vì đồ ăn khất thực, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được đồ ăn khất thực, vị này không có dao động. Và nếu được đồ ăn khất thực, vị này dùng đồ ăn khất thực ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

4) Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ loại sàng tọa nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại sàng tọa nào; và không vì sàng tọa, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được sàng tọa, vị này không có dao động. Và nếu được sàng tọa, vị này dùng sàng tọa ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

5) Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ thuốc men trị bệnh nào. Và vị này tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào; và không vì duyên với thuốc men trị bệnh, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh, vị này không có dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, vị này dùng thuốc men trị bệnh ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, **hãy học tập như sau**: "Chúng tôi sẽ tri túc với bất cứ loại y nào, và chúng tôi sẽ là người tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào. Và không vì y, chúng tôi sẽ làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được y, chúng tôi sẽ không dao động. Và nếu được y, chúng tôi sẽ dùng y ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Chúng tôi sẽ tri túc

với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào... với bất cứ loại sàng tọa nào... với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào, và chúng tôi sẽ là người tán thán sự tri túc với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào. Và không vì thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ không dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ dùng thuốc men trị bệnh ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập".

7) Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giáo giới các Ông; hay với người như Kassapa. Và được giáo giới, các Ông cần phải thực hành như vậy.

2 Khó nói là chúng Tỷ kheo trong hiện tại - Kinh Giáo Giới – Tương II, 351

Giáo Giới – *Tương* II, 351

1) Tại Ràajagaha, Veluvana.

2) Tôn giả Kassapa đi đến Thế Tôn...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- Này Kassapa, hãy giáo giới Tỷ-kheo! *Này Kassapa, hãy nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Này Kassapa, Ta hoặc Ông phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hoặc Ta phải nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo!*

4) - *Bạch Thế Tôn,* ***khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại****. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo giới*.

Bạch Thế Tôn, ở đây, con thấy Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ananda, và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha, hai vị ấy nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ nói nhiều hơn? Ai sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ nói dài hơn?".

5) Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

- Hãy đến, này Tỷ-kheo! Hãy nhân danh Ta nói với Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ananda, và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha: "Bậc Đạo Sư gọi chư Tôn giả".

6) - Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo kia; sau khi đến, nói với họ:

- Bậc Đạo Sư gọi chư Tôn giả.

7) - Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo kia vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

- Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, các Ông nói với nhau như sau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn? Ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai là người sẽ nói dài hơn?"

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn.

9) - Này các Tỷ-kheo, các Ông có biết là Ta đã thuyết pháp như vầy: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy cùng nhau nói như sau: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn? Ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai là người sẽ nói dài hơn?' chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10) Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông được biết là Ta không có giảng như vậy, thời vì sao, này các Người ngu kia, do biết cái gì, thấy cái gì, các Ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng này, các Ông lại nói với nhau: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?"* như vậy?

11) Rồi các Tỷ-kheo ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đã phạm tội, ngu đần như vậy, si mê như vậy, bất thiện như vậy; vì rằng chúng con đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói như vậy, chúng con lại nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?". Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận tội lỗi ấy của chúng con là tội lỗi, để chúng con ngăn ngừa trong tương lai.

12) - Thật sự, này các Tỷ-kheo, các Ông đã phạm tội, ngu đần như vậy, si mê như vậy, bất thiện như vậy! Vì rằng các Ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói này, các Ông đã nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?". Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, các Ông đã thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp sám hối, chúng ta chấp nhận tội lỗi ấy cho các Ông!

13) Này các Tỷ-kheo, như vậy **luật của bậc Thánh được tăng trưởng**, khi nào có người sau khi thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp sám hối để ngăn ngừa trong tương lai!

Giáo Giới – 354tu2

1) Trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm).

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- Này Kassapa hãy giáo giới các Tỷ-kheo! *Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Ta hay Ông hãy*

giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!

4) - Bạch Thế Tôn, **khó nói** là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn, họ không kính trọng lời giáo giới!

5) Bạch Thế Tôn, với ai **không** có lòng **tin** đối với thiện pháp, không có biết **thẹn** đối với thiện pháp, không có biết **sợ** đối với thiện pháp, không có tinh **tấn** đối với thiện pháp, không có trí **tuệ** đối với thiện pháp; đối với người ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là **sự tổn giảm đối với các thiện pháp**, **không** phải là sự tăng trưởng!

6) *Ví như mặt trăng, bạch Thế Tôn, trong thời kỳ tối trời, dầu là đêm hay là ngày, hình sắc tổn giảm dần, hình tròn tổn giảm dần, ánh sáng tổn giảm dần, đường quỹ đạo nó đi tổn giảm dần*.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, đối với ai không có lòng **tin** đối với thiện pháp, không có biết **thẹn** đối với thiện pháp, không biết **sợ** đối với thiện pháp, không có tinh **tấn** đối với thiện pháp, không có trí **tuệ** đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng!

7)

- *Người không có lòng tin, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa* ***là tổn giảm****.*
- *Người không biết thẹn, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*
- *Người không biết sợ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*
- *Người lười biếng, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*
- *Người ác trí tuệ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*
- *Người phẫn nộ...*
- *Người sân hận, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*
- *Nếu vị Tỷ-kheo không có giáo giới, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*

8) Với ai, bạch Thế Tôn, **có** lòng **tin** đối với thiện pháp, có biết **thẹn** đối với thiện pháp, có biết **sợ** đối với thiện pháp, có tinh **tấn** đối với thiện pháp, có trí **tuệ** đối với thiện pháp; với vị ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi **sự tăng trưởng đối với thiện pháp**, không phải sự tổn giảm.

9) *Ví như mặt trăng, bạch Thế Tôn, trong thời kỳ sáng trời, dầu là đêm hay là ngày, hình sắc tăng*

trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, với ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thẹn...có biết sợ... có tinh tấn... có trí tuệ đối với thiện pháp; với vị ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là tổn giảm.

10)

- *Người có lòng tin, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa **là không tổn giảm**.*
- *Người có biết thẹn, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người có biết sợ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người tinh cần, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người có trí tuệ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người không phẫn nộ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người không sân hận, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Có những Tỳ-kheo giáo giới, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*

11) Lành thay, lành thay, này Kassapa! Với ai, này Kassapa, không có lòng tin đối với thiện pháp... không có biết thẹn... không có biết sợ... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tổn giảm trong thiện pháp, không phải là tăng trưởng.

12) Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ tối trời, dầu là đêm hay là ngày, hình sắc tổn giảm dần, hình tròn tổn giảm dần, ánh sáng tổn giảm dần, quỹ đạo nó đi tổn giảm dần. Cũng vậy, này Kassapa, với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết thẹn... không có biết sợ... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng.

13) Người không có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Người không biết thẹn... Người không biết sợ... Người biếng nhác... Người ác trí tuệ... Người phẫn nộ... Người sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Không có Tỷ-kheo giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm.

14) Với ai, này Kassapa, có lòng tin đối với thiện pháp... có biết thẹn... có biết sợ... có tinh tấn.. có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay

ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là tổn giảm.

15) <u>Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ sáng trời</u>, dầu là đêm hay ngày, hình sắc tăng trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần. Cũng vậy, này Kassapa, ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thẹn... có biết sợ... có tinh tấn... có trí tuệ là sự tăng trưởng đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là sự tổn giảm.

16) Người có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người biết thẹn... Người biết sợ... Người tinh tấn... Người có trí tuệ... Người không phẫn nộ... Người không sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Có Tỷ-kheo giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm.

Giáo Giới – 359tu2

1) Ở Ràjagaha (Vương Xá), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- ***Hãy giáo giới Tỷ-kheo, này Kassapa***! *Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, này Kassapa! Ta hay Ông, này Kassapa, phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta, này Kassapa, hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!*

4) - *Bạch Thế Tôn,* ***khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại****. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn, họ không kính trọng lời giáo giới.*

5) Này Kassapa, thuở xưa các Trưởng lão Tỷ-kheo là những vị **ở rừng** như vậy và tán thán ở rừng, là những vị đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, là những vị mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo, là những vị mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, là những vị thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục, là những vị tri túc và tán thán hạnh tri túc, là những vị viễn ly và tán thán hạnh viễn ly, là những vị không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, là những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

6) Ở đây, vị Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo, mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, sống thiểu

dục và tán thán hạnh thiểu dục, sống tri túc và tán thánh hạnh tri túc, sống viễn ly và tán thán hạnh sống viễn ly, sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, sống tinh cần và tán thán hạnh tinh cần; vị Tỷ-kheo ấy được các vị Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, vị Tỷ-kheo này! Thật là muốn học, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này! "*

7) Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "*Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng, đi khất thực... mang y phấn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần; Tỷ-kheo ấy được các Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: " Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muốn học, Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này*". Các vị ấy thực hành đúng như vậy và như vậy các vị ấy **được** hạnh phúc, được an lạc trong một thời gian dài.

8) Nhưng này, này Kassapa, các Trưởng lão Tỷ-kheo **không** sống ở rừng và không tán thán hạnh sống ở rừng, không đi khất thực và không tán thán hạnh khất thực, không mang y phấn tảo và không tán thán hạnh

mang y phấn tảo, không mang ba y và không tán thán hạnh mang ba y, không thiểu dục và không tán thán hạnh thiểu dục, không tri túc và không tán thán hạnh tri túc, không sống viễn ly và không tán thán hạnh viễn ly, không sống không giao thiệp và không tán thán hạnh không giao thiệp, không tinh cần và không tán thán hạnh tinh cần.

9) Ở đây, Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, Tỷ-kheo ấy được các vị Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: *"Hãy đến Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hạnh, Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!"*

10) Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; Tỷ-kheo ấy được các Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: ' Hãy đến Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hạnh Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!'"*. Các vị ấy thực hành đúng như vậy và như vậy các vị ấy **không** được hạnh phúc, bị khổ đau trong thời gian dài.

Này Kassapa, ai nói một cách chơn chánh như sau: ***"Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh"*** **Nói như vậy, này Kassapa, là nói một cách chơn chánh**. Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh.

3 Kinh CÂU HỎI VỀ CHÁNH TRÍ – Tăng IV, 454

CÂU HỎI VỀ CHÁNH TRÍ – *Tăng* IV,454

1. Một thời, Tôn giả Mahàkassapa ở tại Ràjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại vườn nuôi dưỡng các con sóc. Tại đấy, Tôn giả Kassapa gọi các Tỷ-kheo:

- Này chư Hiền Tỷ-kheo

- Thưa vâng Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàkassapa. Tôn giả Mahàkassapa nói như sau:

2. - Ở đây, này chư Hiền Tỷ-kheo nói lên chánh trí, nói rằng: *"Tôi biết rõ như sau: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*. Như Lai hay đệ tử Như Lai là bậc Thánh hiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những bậc hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận,

rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh.

Như Lai hay đệ tử Như Lai, là những vị hành thiền... thiền xảo trong hành tường tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy như sau: "Như thế nào, vị Tôn giả này nói lên chánh trí, nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"". Như Lai hay đệ tử Như Lai, là những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết được tâm người ấy như sau:

"**Tăng thượng mạn** là Tôn giả này, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt, chưa làm tưởng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn đã tuyên bố về chánh trí", nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"".

Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy: *"Dựa trên gì, Tôn giả này tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt... chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng*

đắc, với tăng thượng mạn, đã tuyên bố về chánh trí", nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?. Như lai hay đệ tử Như Lai, là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết được tâm của người ấy: *"**Nghe nhiều** là Tôn giả này, thọ trì điều đã nghe, cất chứa điều đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, tán thán đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn trong sạch, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, thọ trì đọc tụng bằng lời, với ý khéo quán sát, khéo thể nhập, với chánh kiến. Do vậy, Tôn giả này, tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt, chưa làm tưởng rằng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn, đã tuyên bố về chánh trí, nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa""*.

Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, như vậy với tâm của mình, biết rõ tâm của người ấy:

1. "Tham là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị tham chi phối, và bị tham chi phối nghĩa là tổn

giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

2. Sân là vị Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị sân chi phối…
3. Hôn trầm thùy miên là vị Tôn giả này và sống nhiều với tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối, và bị hôn trầm thụy miên chi phối nghĩa là tổn giảm...
4. Trạo cử là tôn giả này, và vị ấy sống nhiều với tâm bị trạo cử chi phối, và tâm bị trạo cử chi phối nghĩa là tổn giảm...
5. Nghi là vị Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị nghi hoặc chi phối...
6. Ưa thích công việc là vị Tôn giả này, thích thú công việc, chuyên chú trong thích thú công việc, và ưa thích công việc nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
7. Ưa thích nói chuyện là Tôn giả này, thích thú nói chuyện, chuyên chú trong thích thú nói chuyện, thích thú nói chuyện là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
8. Ưa thích ngủ nghỉ là Tôn giả này, thích thú ngủ nghỉ, và tánh thích thú ngủ nghỉ nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
9. Ưa thích hội chúng, là vị Tôn giả này, thích thú hội chúng, chuyên chú ưa thích hội chúng, ưa

thích hội chúng có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

10. Thất niệm là vị Tôn giả này, đối với các Pháp cao thượng chỉ được phần nhỏ, dầu cho có chứng được thù thắng nhưng chỉ là phần nhỏ, lại đứng lại giữa đường; đứng lại giữa đường, có nghĩa là tổn giảm trong Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng."

3. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, không đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiện này không xảy ra.

Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiện này có xảy ra.

4 Kinh Không Biết Sợ – Tương II, 337

Không Biết Sợ – *Tương* II, 337

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahà Kassapa (Đại-ca-diếp), và Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) trú ở Barànasi (Ba-la-nại), chỗ Isipatana (chư Tiên đọa xứ), tại Migadàya (Lộc Uyển).

2) Rồi Tôn giả Sàriputta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahà Kassapa những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Mahà Kassapa:

4) - Này Hiền giả Kassapa, được nói rằng không có nhiệt tâm, không có biết sợ, không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Và có nhiệt tâm, có biết sợ, có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

5) *Như thế nào, này Hiền giả, là không có nhiệt tâm, không có biết sợ, không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách? Và như thế nào là có nhiệt tâm, có biết sợ, có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách?*

I

6) - Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ:

- *"Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, chúng có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm.*
- *"Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, chúng có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm.*
- *"Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm.*
- *"Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm.*

Như vậy, này Hiền giả, là không nhiệt tâm.

II

7) *Và này Hiền giả, như thế nào là không biết sợ?*

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ:

- *"Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, chúng có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không có biết sợ.*
- *"Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ.*
- *"Các thiện pháp không khởi lên ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ.*
- *"Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ.*

Như vậy, này Hiền giả, là không biết sợ.

8) Như vậy, này Hiền giả, không có nhiệt tâm, không có biết sợ, không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

III

9) *Và này Hiền giả, thế nào là nhiệt tâm?*

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ:

- *"Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm.*
- *"Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm.*
- *"Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm.*
- *"Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm.*

Như vậy, này Hiền giả, là có nhiệt tâm.

IV

10) *Và này Hiền giả, như thế nào là có biết sợ?*

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ:

- *"Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.*

- *"Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.*
- *"Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.*
- *"Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.*

Như vậy, này Hiền giả, là có biết sợ.

11) Như vậy, này Hiền giả, là có nhiệt tâm, có biết sợ có thể có giác ngộ, **có** thể có Niết-bàn, có thể đưa đến chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

5 Kinh Tương Ưng Kassapa – Tương II, 335

Tương Ưng Kassapa
(Chương V)

Tri Túc – *Tương* II, 335

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- **Tri túc**, **là Kassapa** này, với bất cứ loại y nào,
- Và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào;
- Không vì y làm điều bất chánh, bất xứng.
- Nếu không được y, vị này không có dao động.
- Và nếu được y, vị này dùng y không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

3) Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kasssapa này, với bất cứ đồ ăn khất thực nào, tán thán hạnh tri túc với bất cứ đồ ăn khất thực nào; không vì đồ ăn khất thực, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được đồ ăn khất thực, vị này không có dao động. Và nếu được đồ ăn khất thực, vị này dùng đồ ăn khất thực ấy,

không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

4) Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ loại sàng tọa nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại sàng tọa nào; và không vì sàng tọa, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được sàng tọa, vị này không có dao động. Và nếu được sàng tọa, vị này dùng sàng tọa ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

5) Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ thuốc men trị bệnh nào. Và vị này tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào; và không vì duyên với thuốc men trị bệnh, làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh, vị này không có dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, vị này dùng thuốc men trị bệnh ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, **hãy học tập như sau**: "Chúng tôi sẽ tri túc với bất cứ loại y nào, và chúng tôi sẽ là người tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào. Và không vì y, chúng tôi sẽ làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được y, chúng tôi sẽ không dao động. Và nếu được y, chúng tôi sẽ dùng y ấy, không

tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Chúng tôi sẽ tri túc với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào... với bất cứ loại sàng tọa nào... với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào, và chúng tôi sẽ là người tán thán sự tri túc với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào. Và không vì thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ không dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ dùng thuốc men trị bệnh ấy, không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập".

7) Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giáo giới các Ông; hay với người như Kassapa. Và được giáo giới, các Ông cần phải thực hành như vậy.

Không Biết Sợ – *Tương* II, 337

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahà Kassapa (Đại-ca-diếp), và Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) trú ở Barànasi (Ba-la-nại), chỗ Isipatana (chư Tiên đọa xứ), tại Migadàya (Lộc Uyển).

2) Rồi Tôn giả Sàriputta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahà Kassapa những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Mahà Kassapa:

4) - Này Hiền giả Kassapa, được nói rằng không có nhiệt tâm, không có biết sợ, không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Và có nhiệt tâm, có biết sợ, có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

5) *Như thế nào, này Hiền giả, là không có nhiệt tâm, không có biết sợ, không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách? Và như thế nào là có nhiệt tâm, có biết sợ, có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách?*

I

6) - Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ:

- *"Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, chúng có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm*.
- *"Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, chúng có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm.*
- *"Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm.*
- *"Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm.*

Như vậy, này Hiền giả, là không nhiệt tâm.

II

7) *Và này Hiền giả, như thế nào là không biết sợ?*

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ:

- *"Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, chúng có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không có biết sợ.*
- *"Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ.*

- *"Các thiện pháp không khởi lên ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ.*
- *"Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ.*

Như vậy, này Hiền giả, là không biết sợ.

8) Như vậy, này Hiền giả, không có nhiệt tâm, không có biết sợ, không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

III

9*) Và này Hiền giả, thế nào là nhiệt tâm?*

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ:

- *"Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm.*
- *"Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm.*

- *"Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm.*
- *"Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm.*

Như vậy, này Hiền giả, là có nhiệt tâm.

IV

10) *Và này Hiền giả, như thế nào là có biết sợ?*

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỳ-kheo suy nghĩ:

- *"Các ác bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.*
- *"Các ác bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.*
- *"Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.*
- *"Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.*

Như vậy, này Hiền giả, là có biết sợ.

11) Như vậy, này Hiền giả, là có nhiệt tâm, có biết sợ có thể có giác ngộ, **có** thể có Niết-bàn, có thể đưa đến chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Ví Dụ Với Trăng – *Tương* II, 341

1) Trú ở Sàvatthi...

2) Hãy giống như mặt trăng, này các Tỷ-kheo, khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, chớ có đường đột xông xáo (appagabbha).

3) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người* ***nhìn*** *một cái giếng cũ, hay sườn núi dốc, hay thác nước, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt*.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, hãy giống như mặt trăng khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

Kassapa, này các Tỷ-kheo, giống như mặt trăng, khi đi đến các gia đình, thân dè dặt và tâm dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

4) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, như thế nào một Tỷ-kheo xứng đáng đi đến các gia đình?*

5) - Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ sở y. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

6) Rồi Thế Tôn vẫy bàn tay giữa hư không:

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, **bàn tay này giữa hư không, không bị dính vào**, không bị nắm lấy, không bị trói buộc.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo đi đến các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi, hãy được lợi! Những ai muốn công đức, hãy làm các công đức!".

7) Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; **hãy hoan hỷ, thỏa mãn khi người khác được lợi!** Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** khi đi đến các gia đình, đối với các gia đình, **tâm** không bị dính vào, không

bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi hãy được lợi! Những ai muốn công đức hãy làm các công đức!".

8) Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn, khi người khác được lợi!

9) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

10) *Các Ông nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thế nào, thuyết pháp không thanh tịnh? Tỷ-kheo như thế nào, thuyết pháp được thanh tịnh?*

11) Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

12) Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

13) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: *"Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hoan hỷ. Được hoan hỷ, mong họ làm cho ta hoan hỷ"*, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy thuyết pháp **không** thanh tịnh.

14) Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: *"Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hiểu rõ pháp. Và sau khi hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực hành. Duyên pháp* ***thiện pháp tánh*** *(dhammasudhammata) thuyết pháp cho các người khác. Duyên lòng* ***từ bi****, duyên lòng* ***từ mẫn****, khởi lòng lân mẫn thuyết pháp cho các người khác"*, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là Tỷ-kheo **thanh** tịnh thuyết pháp.

15) Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: *"Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi* ***nghe***

*pháp, mong họ được **hiểu** rõ pháp. Và sau khi được hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực **hành**. Duyên pháp **thiện pháp tánh,** duyên **từ bi,** duyên **lòng từ mẫn,** khởi lòng lân mẫn **thuyết pháp cho các người khác**".*

16) Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta đã giáo giới các Ông, hay với ai giống như Kassapa! Được giáo giới, **các Ông phải như thật thực hành**.

Đi Đến Các Gia Đình – *Tương* II, 346

1) Tại Sàvatthi.

2) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thế nào xứng đáng là người đi đến các gia đình? Tỷ-kheo như thế nào không xứng đáng là người đi đến các gia đình?*

3) - Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo...

Thế Tôn nói như sau:

4) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với **tâm** như thế này đi đến các gia đình: *"Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít.*

Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng cho ta, chớ có không kính trọng".

5) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như vậy đi đến các gia đình, nếu không được cho, Tỷ-kheo ấy bực phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu... cho ít, không cho nhiều... cho đồ xấu không cho đồ tốt... cho chậm, không cho mau. Do vậy Tỷ-kheo ấy bực phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu... cho bất kính, không có kính trọng. Do vậy, Tỷ-kheo ấy bực phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy **không** xứng đáng là người đi đến các gia đình.

6) Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với **tâm** như thế này đi đến các gia đình (nghĩ rằng): *"Đối với các gia đình người khác, làm sao có thể mong: 'Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng ta, chớ có không kính trọng'?".*

7) Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo với tâm như vậy, khi đi đến các gia đình không được cho, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho ít, không cho nhiều...

họ cho đồ xấu, không cho đồ tốt, cho chậm, không cho mau... cho bất kính, không phải kính trọng, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy **xứng** đáng đi đến các gia đình.

8) Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** với tâm như vậy đi đến các gia đình *(nghĩ rằng): "Đối với các gia đình người khác, làm sao có thể mong: "Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng cho ta, chớ có bất kính"?"*

9) Này các Tỷ-kheo, **Kassapa với tâm như vậy đi đến các gia đình**, nếu không được cho, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho ít, không cho nhiều, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho đồ xấu, không cho đồ tốt, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho chậm, không cho mau, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho bất kính, không cho có kính

trọng, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu.

10) Với **Kassapa**, này các Tỷ-kheo, **Ta** sẽ giáo giới các Ông hay với ai giống như Kassapa. Và được giáo giới, các Ông hãy như vậy thọ trì.

Trở Về Già – *Tương* II, 348

1) Như vầy tôi nghe.

Tại Ràjagaha, Veluvana.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- **Này Kassapa, Ông đã già rồi**. Đã cũ nát là những vải gai thô phấn tảo này của Ông đáng được quăng bỏ. Vậy này Kassapa, hãy mang những y áo do các gia chủ cúng, thọ dụng các món ăn được mời và ở gần bên Ta.

4) - Bạch Thế Tôn, con là người đã lâu ngày sống ở rừng, và tán thán hạnh ở rừng; con là người đi khất

thực và tán thán hạnh khất thực; con là người mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo; con là người mang ba y và tán thán hạnh mang ba y; con là người thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục; con là người tri túc và tán thán hạnh tri túc; con là người sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly; con là người sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp; con là người tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

5) - *Này Kassapa, Ông thấy có lợi ích gì mà ông đã lâu ngày sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng... đi khất thực.. mang y phấn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần?*

6) - Bạch Thế Tôn, con thấy có hai lợi ích nên đã lâu ngày con sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng... con đi khất thực... con mang y phấn tảo... con mang ba y... con thiểu dục... con tri túc... con sống viễn ly... con sống không giao thiệp... con sống tinh cần và tán thán hạnh sống tinh cần.

7) Con thấy tự mình được **hiện tại an lạc trú** và **vì lòng từ mẫn** đối với chúng sanh sắp đến, mong rằng các chúng sanh sắp đến sẽ bắt chước (ditthanugatim):"*Đối với các đệ tử Phật và tùy Phật (Buddhànubuddhasàvakà), mong họ trong một thời gian dài trở thành những vị sống ở rừng và tán thán*

hạnh ở rừng... những vị đi khất thực... những vị mang y phấn tảo... những vị mang ba y... những vị thiểu dục... những vị tri túc... những vị viễn ly... những vị không giao thiệp... những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần... họ sẽ thực hành như vậy, và như vậy trong một thời gian dài họ sống hạnh phúc an lạc ".

8) Bạch Thế Tôn, thấy được hai lợi ích này, con sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng... con đi khất thực và tán thán hạnh khất thực... mang y phấn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... viễn ly... không giao thiệp... sống tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

9) - *Lành thay, lành thay, Kassapa!* ***Thật vì hạnh phúc cho quần sanh****, này Kassapa, Ông đã thực hành (như vậy), vì an lạc cho quần sanh, vì lòng từ mẫn với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.*

10) Do vậy, này Kassapa, ***hãy mang vải gai thô, phấn tảo đáng được quăng bỏ. Hãy sống khất thực và trú ở trong rừng!***

Giáo Giới – *Tương* II, 351

1) Tại Ràajagaha, Veluvana.

2) Tôn giả Kassapa đi đến Thế Tôn...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- ***Này Kassapa, hãy giáo giới Tỷ-kheo****! Này Kassapa, hãy nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Này Kassapa, Ta hoặc Ông phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hoặc Ta phải nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo!*

4) - *Bạch Thế Tôn,* ***khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại****. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo giới*.

Bạch Thế Tôn, ở đây, con thấy Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ananda, và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha, hai vị ấy nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ nói nhiều hơn? Ai sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ nói dài hơn?".

5) Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

- Hãy đến, này Tỷ-kheo! Hãy nhân danh Ta nói với Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ananda, và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha: "Bậc Đạo Sư gọi chư Tôn giả".

6) - Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo kia; sau khi đến, nói với họ:

- Bậc Đạo Sư gọi chư Tôn giả.

7) - Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo kia vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

- Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, các Ông nói với nhau như sau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn? Ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai là người sẽ nói dài hơn?"

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn.

9) - Này các Tỷ-kheo, các Ông có biết là Ta đã thuyết pháp như vầy: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy cùng nhau nói như sau: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn? Ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai là người sẽ nói dài hơn?' chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10) Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông được biết là Ta không có giảng như vậy, thời vì sao, này các Người ngu kia, do biết cái gì, thấy cái gì, các Ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng này, các Ông lại nói với nhau: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?"* như vậy?

11) Rồi các Tỷ-kheo ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đã phạm tội, ngu đần như vậy, si mê như vậy, bất thiện như vậy; vì rằng chúng con đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói như vậy, chúng con lại nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?". Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận tội lỗi ấy của chúng con là tội lỗi, để chúng con ngăn ngừa trong tương lai.

12) - Thật sự, này các Tỷ-kheo, các Ông đã phạm tội, ngu đần như vậy, si mê như vậy, bất thiện như vậy! Vì rằng các Ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói này, các Ông đã nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?". Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, các Ông đã thấy tội lỗi là tội

lỗi, như pháp sám hối, chúng ta chấp nhận tội lỗi ấy cho các Ông!

13) Này các Tỷ-kheo, như vậy **luật của bậc Thánh được tăng trưởng**, khi nào có người sau khi thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp sám hối để ngăn ngừa trong tương lai!

Giáo Giới – *Tương* II, 354

1) Trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm).

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- ***Này Kassapa hãy giáo giới các Tỷ-kheo!*** *Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Ta hay Ông hãy giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!*

4) - Bạch Thế Tôn, **khó nói** là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn, họ không kính trọng lời giáo giới!

5) Bạch Thế Tôn, với ai **không** có lòng **tin** đối với thiện pháp, không có biết **thẹn** đối với thiện pháp, không có biết **sợ** đối với thiện pháp, không có tinh **tấn** đối với thiện pháp, không có trí **tuệ** đối với thiện pháp; đối với người ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là **sự tổn giảm đối với các thiện pháp**, **không** phải là sự tăng trưởng!

6) *Ví như mặt trăng, bạch Thế Tôn, trong thời kỳ tối trời, dầu là đêm hay là ngày, hình sắc tổn giảm dần, hình tròn tổn giảm dần, ánh sáng tổn giảm dần, đường quỹ đạo nó đi tổn giảm dần.*

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, đối với ai không có lòng **tin** đối với thiện pháp, không có biết **thẹn** đối với thiện pháp, không biết **sợ** đối với thiện pháp, không có tinh **tấn** đối với thiện pháp, không có trí **tuệ** đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng!

7)

- *Người không có lòng tin, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa **là tổn giảm**.*
- *Người không biết thẹn, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*

- *Người không biết sợ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*
- *Người lười biếng, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*
- *Người ác trí tuệ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*
- *Người phẫn nộ...*
- *Người sân hận, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*
- *Nếu vị Tỷ-kheo không có giáo giới, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.*

8) Với ai, bạch Thế Tôn, **có** lòng **tin** đối với thiện pháp, có biết **thẹn** đối với thiện pháp, có biết **sợ** đối với thiện pháp, có tinh **tấn** đối với thiện pháp, có trí **tuệ** đối với thiện pháp; với vị ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi **sự tăng trưởng đối với thiện pháp**, không phải sự tổn giảm.

9) *Ví như mặt trăng, bạch Thế Tôn, trong thời kỳ sáng trời, dầu là đêm hay là ngày, hình sắc tăng trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần.*

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, với ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thẹn...có biết sợ... có tinh tấn... có trí tuệ đối với thiện pháp; với vị ấy, dầu là đêm hay

là ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là tổn giảm.

10)

- *Người có lòng tin, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa* ***là không tổn giảm****.*
- *Người có biết thẹn, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người có biết sợ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người tinh cần, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người có trí tuệ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người không phẫn nộ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Người không sân hận, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*
- *Có những Tỷ-kheo giáo giới, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.*

11) Lành thay, lành thay, này Kassapa! Với ai, này Kassapa, không có lòng tin đối với thiện pháp... không có biết thẹn... không có biết sợ... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người

ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tổn giảm trong thiện pháp, không phải là tăng trưởng.

12) Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ tối trời, dầu là đêm hay là ngày, hình sắc tổn giảm dần, hình tròn tổn giảm dần, ánh sáng tổn giảm dần, quỹ đạo nó đi tổn giảm dần. Cũng vậy, này Kassapa, với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết thẹn... không có biết sợ... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng.

13) Người không có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Người không biết thẹn... Người không biết sợ... Người biếng nhác... Người ác trí tuệ... Người phẫn nộ... Người sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Không có Tỷ-kheo giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm.

14) Với ai, này Kassapa, có lòng tin đối với thiện pháp... có biết thẹn... có biết sợ... có tinh tấn.. có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là tổn giảm.

15) Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ sáng trời, dầu là đêm hay ngày, hình sắc tăng trưởng

dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần. Cũng vậy, này Kassapa, ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thẹn... có biết sợ... có tinh tấn... có trí tuệ là sự tăng trưởng đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là sự tổn giảm.

16) Người có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người biết thẹn... Người biết sợ... Người tinh tấn... Người có trí tuệ... Người không phẫn nộ... Người không sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Có Tỷ-kheo giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm.

Giáo Giới – *Tương* II, 359

1) Ở Ràjagaha (Vương Xá), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- Hãy giáo giới Tỷ-kheo, này Kassapa*! Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, này Kassapa! Ta hay*

Ông, này Kassapa, phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta, này Kassapa, hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!

4) - *Bạch Thế Tôn,* ***khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại****. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn, họ không kính trọng lời giáo giới.*

5) Này Kassapa, thuở xưa các Trưởng lão Tỷ-kheo là những vị **ở rừng** như vậy và tán thán ở rừng, là những vị đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, là những vị mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo, là những vị mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, là những vị thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục, là những vị tri túc và tán thán hạnh tri túc, là những vị viễn ly và tán thán hạnh viễn ly, là những vị không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, là những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

6) Ở đây, vị Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo, mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, sống thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục, sống tri túc và tán thánh hạnh tri túc, sống viễn ly và tán thán hạnh sống viễn ly, sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, sống tinh cần và tán thán hạnh tinh cần; vị Tỷ-kheo ấy được các vị Trưởng lão Tỷ-kheo

mời ngồi và nói: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, vị Tỷ-kheo này! Thật là muốn học, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này! "*

7) Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "*Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng, đi khất thực... mang y phấn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần; Tỷ-kheo ấy được các Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: " Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muốn học, Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này*". Các vị ấy thực hành đúng như vậy và như vậy các vị ấy **được** hạnh phúc, được an lạc trong một thời gian dài.

8) Nhưng này, này Kassapa, các Trưởng lão Tỷ-kheo **không** sống ở rừng và không tán thán hạnh sống ở rừng, không đi khất thực và không tán thán hạnh khất thực, không mang y phấn tảo và không tán thán hạnh mang y phấn tảo, không mang ba y và không tán thán hạnh mang ba y, không thiểu dục và không tán thán hạnh thiểu dục, không tri túc và không tán thán hạnh tri túc, không sống viễn ly và không tán thán hạnh viễn ly, không sống không giao thiệp và không tán

thán hạnh không giao thiệp, không tinh cần và không tán thán hạnh tinh cần.

9) Ở đây, Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, Tỷ-kheo ấy được các vị Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: *"Hãy đến Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hạnh, Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!"*

10) Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; Tỷ-kheo ấy được các Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: ' Hãy đến Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hạnh Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!'"*. Các vị ấy thực hành đúng như vậy và như vậy các vị ấy **không** được hạnh phúc, bị khổ đau trong thời gian dài.

Này Kassapa, ai nói một cách chơn chánh như sau: ***"Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh"*** **Nói như vậy, này Kassapa, là nói một cách chơn**

chánh. Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh.

Thiền Và Thắng Trí – *Tương* II, 363

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Ta** ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ...

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Kassapa** cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

3) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm.

4) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

5) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

6) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng. Ta nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng... chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

7) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Không vô biên xứ... chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

8) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Thức vô biên xứ... chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

9) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng... chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

10) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.

Tùy theo mong muốn... Kassapa cũng... chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.

11) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta chứng đạt các loại thần thông. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên, đi ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng chứng đạt được các loại thần thông... bay đến cõi Phạm thiên.

12) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: chư Thiên và loài Người, xa và gần.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với thiên nhĩ thanh tịnh... xa và gần.

13) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài Người với tâm của mình, Ta có thể biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham, tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân, tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si, tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm không chuyên chú biết là tâm không chuyên chú, đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm, tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng, tâm Thiền định biết là tâm Thiền định, tâm không Thiền định biết là tâm không Thiền định, tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát".

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài Người; với tâm của mình, Kassapa cũng được biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham... tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát".

14) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm

đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... và các chi tiết.

15) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy các chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh ấy làm những ác hạnh về thân, lời, ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo

chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết các chúng sanh... đều do hạnh nghiệp của họ.

16) Và **Ta**, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, Ta chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** cũng với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

Trú Xứ – *Tương* II, 370

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Kassapa trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

I

2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa.

3) Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Mahà Kassapa:

- Thưa Tôn giả, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

- Hãy đi, này Hiền giả Ananda. Hiền giả là người có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

4) Lần thứ hai, Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Mahà Kassapa:

- Hãy đi, thưa Tôn giả, chúng ta đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

- Hãy đi, này Hiền giả Ananda. Hiền giả là người có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

5) Lần thứ ba, Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Mahà Kassapa:

- Hãy đi, thưa Tôn giả, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

6) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát cùng với Tôn giả Ananda, là Sa-môn tùy tùng, đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni, sau khi đi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

II

7) Rồi nhiều Tỷ-kheo-ni đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahà Kassapa, rồi ngồi xuống một bên.

8) Tôn giả Mahà Kassapa với pháp thoại giảng cho các vị Tỷ-kheo-ni đang ngồi một bên ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

9) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa, sau khi với pháp thoại giảng cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

10) Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissà không hoan hỷ, nói lên những lời không hoan hỷ: *"Làm sao Tôn giả Mahà Kassapa trước mặt Vedehamuni Ananda, lại nghĩ đến thuyết pháp; ví như một người bán kim lại nghĩ, có thể bán kim cho người làm kim? Cũng vậy,*

Tôn giả Mahà Kassapa, trước mặt Vedehamuni Ananda lại nghĩ đến thuyết pháp".

11) Tôn giả Mahà Kassapa nghe được lời nói này của Tỷ-kheo-ni Thullatissà.

III

12) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda:

*- Thế nào, Hiền giả Ananda, ta là người bán kim, Hiền giả là người làm kim, **hay** ta là người làm kim, Hiền giả là người bán kim?*

- Hãy kham nhẫn, thưa Tôn giả Kassapa, ngu si là đàn bà!

13) - Hãy đến, Hiền giả Ananda, chớ để cho chúng Tăng truy cứu thêm về Hiền giả. Hiền giả Ananda, Hiền giả nghĩ thế nào?

14) Có phải trước mặt Thế Tôn, và giữa chúng Tăng, Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: *"Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Ta** ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ànanda cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất,*

một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ "?

- Thưa Tôn giả, không phải vậy.

15) - Này Hiền giả, có phải trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, ta được Thế Tôn đề cập như sau: *"Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Ta** ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Kassapa** cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ "?*

16-29) (Chín thứ đệ định và năm trí giống như trên.)

30) - Hiền giả nghĩ thế nào? Này Hiền giả, có phải, này Ananda, trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: *"Và **Ta**, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Ànanda cũng vậy, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát"?*

- Thưa Tôn giả, không phải vậy.

31) - Chính ta, này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo, được Thế Tôn đề cập như sau: *"Này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí, **Ta** chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** cũng vậy, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát".*

32) Này Hiền giả, ai nghĩ rằng có thể che đậy **sáu** thắng trí của ta được, thời không khác gì họ nghĩ rằng có thể lấy một lá cây ta-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay rưỡi bề cao.

IV

33) Nhưng Tỷ-kheo-ni Thullatissà đã từ bỏ đời sống Phạm hạnh.

Y Áo – *Tương* II, 374

1) Một thời Tôn giả Mahà Kassapa trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm) tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

I

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đang đi du hành ở Dakhinàgiri (Nam Sơn), cùng với đại chúng Tỷ-kheo.

3) Lúc bấy giờ có khoảng ba mươi Tỷ-kheo đệ tử của Tôn giả **Ananda**, phần lớn còn trẻ tuổi, từ bỏ sự tu học và hoàn tục.

II

4) Rồi Tôn giả Ananda, sau khi du hành ở Nam Sơn, tùy theo ý muốn, rồi đi đến Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahà Kassapa rồi ngồi xuống một bên.

5) Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda đang ngồi xuống một bên:

- Duyên bao nhiêu lợi ích, này Hiền giả Ananda, Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ?

6) *- Duyên **ba** lợi ích, thưa Tôn giả Kassapa, nên Thế Tôn chế định điều luật **"Chỉ ba người ăn"** đối với các gia chủ, để ngăn chận các người ác giới, vì sự lạc trú của các Tỷ-kheo chánh hạnh, chớ để cho ai*

dựa vào những ác đảng phá hoại chúng Tăng, và vì lòng từ mẫn đối với các gia đình. Thưa Tôn giả Kassapa, do duyên ba lợi ích này nên Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ.

*7) - Vậy thời vì sao, này Hiền giả Ananda, Hiền giả lại cùng du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác? Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ dẫm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ananda, đang sụp đổ. Đồ chúng niên thiếu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tan rã! **Đứa trẻ này không biết lượng sức mình!***

8) - Thưa Tôn giả Kassapa, trên đầu tôi, tóc bạc đã sanh, tuy vậy, hôm nay Tôn giả Mahà Kassapa gọi tôi là đứa trẻ, tôi không có phật lòng.

9) - Thật vậy, này Hiền giả Ananda, Hiền giả du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác. Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ dẫm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ananda, đang sụp đổ. Đồ chúng niên

thiếu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tiêu diệt. Đứa trẻ này không biết lượng sức mình.

III

10) Tỷ-kheo-ni Thullatissà được nghe Tôn giả Ananda, bậc Thánh Vedeha lại bị Tôn giả Mahà Kassapa không hài lòng và gọi là "đứa trẻ".

11) Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissà không hoan hỷ và thốt ra những lời không hoan hỷ: "Sao Tôn giả Mahà Kassapa, trước kia là người theo ngoại đạo, lại nghĩ có thể không hài lòng và gọi Tôn giả Ananda, bậc Thánh Vedeha là đứa trẻ?"

12) Tôn giả Mahà Kassapa được nghe những lời của Tỷ-kheo-ni Thullatissà nói như vậy.

13) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda:

- Này Hiền giả Ananda, lời nói của Tỷ-kheo-ni Thullatissà thật là đường đột, không đắn đo suy nghĩ! Này Hiền giả, vì rằng ta là người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, ta không chấp nhận một Đạo Sư nào khác ngoài Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

14) Này Hiền giả, trong khi ta còn là gia chủ, ý nghĩ sau đây được khởi lên: "Chật hẹp thay đời sống tại gia, đầy những bụi đời! Còn xuất gia như đời sống ngoài trời. Thật không dễ dàng ở trong gia đình có thể sống Phạm hạnh, hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

15) Rồi này Hiền giả, sau một thời gian ta lấy vải cắt làm áo Tăng-già-lê, và theo thông lệ các vị Ứng Cúng ở đời, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16) Xuất gia như vậy, ta đang đi trên đường, thấy Thế Tôn ngồi tại ngôi đền Bahaputta giữa Ràjagaha và Nàlandà. Thấy vậy, ta suy nghĩ như sau: *"Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy **bậc Đạo Sư**, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn! Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy **bậc Thiện Thệ**, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn! Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy **bậc Chánh Đẳng Giác**, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn?"*

17) Và này Hiền giả, ngay tại chỗ ấy, ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

*"- Bạch Thế Tôn, **Đạo Sư của con là Thế Tôn. Con là đệ tử**".*

18) Khi nghe nói vậy, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

- Này Kassapa, những ai với tâm trọn vẹn đầy đủ, không biết một đệ tử mà nói rằng tôi biết, không thấy mà nói rằng tôi thấy, đầu người ấy sẽ vỡ tan. Còn Ta, này Kassapa, Ta biết thời Ta nói Ta biết, Ta thấy thời Ta nói Ta thấy.

19) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: *"Một tâm quý thật sắc sảo sẽ phải được thiết lập giữa các vị Trưởng lão, niên thiếu và trung niên"*. Này Kassapa, Ông phải học tập như vậy.

20) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: *"Phàm pháp gì tôi nghe, liên hệ đến thiện, sau khi đặc biệt chú ý, tác ý, tập trung tất cả tâm (lực), tất cả pháp ấy tôi đều lóng tai nghe"*. Này Kassapa, Ông phải học tập như vậy.

21) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: *"Phàm niệm gì thuộc về thân hành, câu hữu với hỷ, ta sẽ không bỏ niệm ấy"*. Này Kassapa, Ông phải học tập như vậy ".

22) Rồi này Hiền giả, Thế Tôn sau khi giáo giới ta với lời giáo giới ấy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

23) Trong bảy ngày, này Hiền giả, đang còn phiền não, ta ăn món ăn của quốc độ, đến ngày thứ tám, **chánh trí** khởi lên.

24) Rồi này Hiền giả, Thế Tôn từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây.

25) Rồi này Hiền giả, ta xấp tư tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt, rồi bạch Thế Tôn:

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ngồi xuống ở đây, để con được hạnh phúc an lạc lâu dài".

26) Này Hiền giả, Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

27) Sau khi ngồi xuống, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

"- Thật là mềm dịu, này Kassapa, là tấm y Tăng-già-lê này làm bằng vải cắt của Ông ".

"- Bạch Thế Tôn, mong rằng Thế Tôn nhận lấy tấm y làm bằng vải cắt này từ nơi con, vì lòng từ mẫu đối với con".

28) "- Này Kassapa, Ông **có** dùng tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Ta không?".

" - Con sẽ dùng, bạch Thế Tôn, tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Thế Tôn".

29) Như vậy, này Hiền giả, ta cúng cho Thế Tôn tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt; còn ta thời dùng tấm y phấn tảo của Thế Tôn, làm bằng vải gai thô đáng được quăng bỏ.

30) Và này Hiền giả, nếu ai có nói về ta một cách chơn chánh, thời **ta là con ruột Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do pháp sanh, do pháp hóa sanh, thừa tự Chánh pháp và đã nhận được tấm y phấn tảo,** làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ.

31) Này Hiền giả, **tùy theo mong muốn**, ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

32-46) Và này Hiền giả, tùy theo mong muốn, ta... (chín thứ đệ định và năm thắng trí)...

47) Và này Hiền giả, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt, và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

48) Này Hiền giả, ai nghĩ rằng có thể che đậy **sáu thắng trí** của ta được, thời không khác gì nghĩ rằng

có thể lấy một lá cây ta-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay rưỡi bề cao.

49) Nhưng Tỷ-kheo-ni Thullatissà đã từ bỏ đời sống Phạm hạnh.

Sau Khi Chết – *Tương* II, 382

1) Một thời Tôn giả Mahà Kassapa và Tôn giả Sàriputta trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư Tiên đọa xứ), ở Migadaya (Lộc Uyển).

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều từ chỗ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Mahà Kassapa:

- *Này Hiền giả Kassapa, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết không?*

- Này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

4) -Như vậy, này Hiền giả, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết?

- Cũng vậy, này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai không tồn tại sau khi chết".

5) - Như vậy, này Hiền giả, có phải Như Lai có tồn tại, và không tồn tại sau khi chết?

- Này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết".

6) - Vậy này Hiền giả, có phải Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

- Cũng vậy, này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

7) - *Này Hiền giả, vì sao Thế Tôn không có tuyên bố như vậy?*

- Vì đây, này Hiền giả, không đưa đến lợi ích, không đưa đến cứu cánh Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Thế Tôn không có tuyên bố như vậy.

8) - *Vậy này Hiền giả, Thế Tôn tuyên bố cái gì?*

- "Đây là khổ", này Hiền giả, Thế Tôn đã tuyên bố.
- "Đây là khổ tập", Thế Tôn đã tuyên bố.
- "Đây là khổ diệt", Thế Tôn đã tuyên bố.
- "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", Thế Tôn đã tuyên bố.

9) - *Vì sao, này Hiền giả, Thế Tôn đã tuyên bố như vậy?*

- Vì đây, này Hiền giả, đưa đến lợi ích, đưa đến cứu cánh Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Thế Tôn đã tuyên bố như vậy.

Tượng Pháp – *Tương* II, 384

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kassapa bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?

4) Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời **diệu pháp biến mất**, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

5) Này Kassapa, **diệu pháp** không biến mất cho đến khi nào **tượng pháp** không hiện ra ở đời. Và Kassapa khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

6) *Ví như, này Kassapa,* ***vàng*** *(thật) không biến mất khi nào* ***vàng giả*** *chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào* ***vàng giả*** *hiện ra ở đời, thời* ***vàng*** *(thật) biến mất.*

7) Cũng vậy, này Kassapa, **diệu pháp** không biến mất, khi nào **tượng pháp** chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

8-11) Này Kassapa, **địa** giới không làm diệu pháp biến mất, **thủy** giới... **hỏa** giới... **phong** giới không làm diệu pháp biến mất.

12) Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt,** chính họ làm diệu pháp biến mất.

13) *Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, diệu pháp bị biến mất.*

14) Này Kassapa, có năm **thối pháp** khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

15) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- *Sống không tôn kính, **không** tùy thuận bậc Đạo Sư,*
- *Sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp,*
- *Sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng,*
- *Sống không tôn kính, không tùy thuận học giới,*
- *Sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiền định.*

Này Kassapa, chính những **thối pháp** này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

16) Và có năm pháp, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?

17) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- *Sống kính trọng, **tùy thuận** bậc Đạo Sư*,
- *Sống kính trọng, tùy thuận Chánh pháp*,
- *Sống kính trọng, tùy thuận chúng Tăng*,
- *Sống kính trọng, tùy thuận học giới*,
- *Sống kính trọng tùy thuận Thiền định*.

18) Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp.

6 Kinh Tượng Pháp – Tương II, 384

Tượng Pháp – *Tương* II, 384

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kassapa bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?*

4) Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời **diệu pháp biến mất**, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

5) Này Kassapa, **diệu pháp** không biến mất cho đến khi nào **tượng pháp** không hiện ra ở đời. Và Kassapa

khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

6) *Ví như, này Kassapa,* ***vàng*** *(thật) không biến mất khi nào* ***vàng giả*** *chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào* ***vàng giả*** *hiện ra ở đời, thời* ***vàng*** *(thật) biến mất.*

7) Cũng vậy, này Kassapa, **diệu pháp** không biến mất, khi nào **tượng pháp** chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

8-11) Này Kassapa, **địa** giới không làm diệu pháp biến mất, **thủy** giới... **hỏa** giới... **phong** giới không làm diệu pháp biến mất.

12) Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt,** chính họ làm diệu pháp biến mất.

13) *Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, diệu pháp bị biến mất.*

14) Này Kassapa, có năm **thối pháp** khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

15) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- *Sống <u>không</u> tôn kính, **<u>không</u>** tùy thuận bậc Đạo Sư,*
- *Sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp,*
- *Sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng,*
- *Sống không tôn kính, không tùy thuận học giới,*
- *Sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiền định.*

Này Kassapa, chính những **thối pháp** này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

16) Và có <u>năm pháp</u>, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?

17) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- *Sống <u>kính</u> trọng, **<u>tùy thuận</u>** bậc Đạo Sư,*
- *Sống kính trọng, tùy thuận Chánh pháp,*
- *Sống kính trọng, tùy thuận chúng Tăng,*
- *Sống kính trọng, tùy thuận học giới,*
- *Sống kính trọng tùy thuận Thiền định.*

18) Chính <u>năm</u> pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp.

7 Kinh Ví Dụ Với Trăng – Tương II, 341

Ví Dụ Với Trăng – *Tương* II, 341

1) Trú ở Sàvatthi...

2) Hãy giống như mặt trăng, này các Tỷ-kheo, khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, chớ có đường đột xông xáo (appagabbha).

3) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người* ***nhìn*** *một cái giếng cũ, hay sườn núi dốc, hay thác nước, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt*.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, hãy giống như mặt trăng khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

Kassapa, này các Tỷ-kheo, giống như mặt trăng, khi đi đến các gia đình, thân dè dặt và tâm dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

4) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, như thế nào một Tỷ-kheo xứng đáng đi đến các gia đình?*

5) - Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ sở y. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

6) Rồi Thế Tôn vẫy bàn tay giữa hư không:

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, **bàn tay này giữa hư không, không bị dính vào**, không bị nắm lấy, không bị trói buộc.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo đi đến các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi, hãy được lợi! Những ai muốn công đức, hãy làm các công đức!".

7) Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; **hãy hoan hỷ, thỏa mãn khi người khác được lợi!** Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** khi đi đến các gia đình, đối với các gia đình, **tâm** không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi hãy được lợi! Những ai muốn công đức hãy làm các công đức!".

8) Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn, khi người khác được lợi!

9) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

10) *Các Ông nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thế nào, thuyết pháp không thanh tịnh? Tỷ-kheo như thế nào, thuyết pháp được thanh tịnh?*

11) Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

12) Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

13) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: *"Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hoan hỷ. Được hoan hỷ, mong họ làm*

cho ta hoan hỷ ", này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy thuyết pháp **không** thanh tịnh.

14) Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: *"Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hiểu rõ pháp. Và sau khi hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực hành. Duyên pháp* ***thiện pháp tánh*** *(dhammasudhammata) thuyết pháp cho các người khác. Duyên lòng* ***từ bi****, duyên lòng* ***từ mẫn****, khởi lòng lân mẫn thuyết pháp cho các người khác"*, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là Tỷ-kheo **thanh** tịnh thuyết pháp.

15) Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: *"Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi* ***nghe*** *pháp, mong họ được* ***hiểu*** *rõ pháp. Và sau khi được hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực* ***hành****. Duyên pháp* ***thiện pháp tánh,*** *duyên* ***từ bi,*** *duyên* ***lòng từ***

mẫn, *khởi lòng lân mẫn* ***thuyết pháp cho các người khác"*****.**

16) Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta đã giáo giới các Ông, hay với ai giống như Kassapa! Được giáo giới, **các Ông phải như thật thực hành**.

8 Kinh Đi Đến Các Gia Đình – Tương II, 346

Đi Đến Các Gia Đình – *Tương* II, 346

1) Tại Sàvatthi.

2) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thế nào xứng đáng là người đi đến các gia đình? Tỷ-kheo như thế nào không xứng đáng là người đi đến các gia đình?*

3) - Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo...

Thế Tôn nói như sau:

4) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với **tâm** như thế này đi đến các gia đình: *"Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng cho ta, chớ có không kính trọng"*.

5) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như vậy đi đến các gia đình, nếu không được cho, Tỷ-kheo ấy bực phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu... cho ít, không cho nhiều... cho đồ xấu không

cho đồ tốt... cho chậm, không cho mau. Do vậy Tỷ-kheo ấy bực phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu... cho bất kính, không có kính trọng. Do vậy, Tỷ-kheo ấy bực phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy **không** xứng đáng là người đi đến các gia đình.

6) Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với **tâm** như thế này đi đến các gia đình (nghĩ rằng): *"Đối với các gia đình người khác, làm sao có thể mong: 'Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng ta, chớ có không kính trọng'?".*

7) Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo với tâm như vậy, khi đi đến các gia đình không được cho, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho ít, không cho nhiều... họ cho đồ xấu, không cho đồ tốt, cho chậm, không cho mau... cho bất kính, không phải kính trọng, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy **xứng** đáng đi đến các gia đình.

8) Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** với tâm như vậy đi đến các gia đình *(nghĩ rằng)*: *"Đối với các gia đình người khác, làm sao có thể mong: "Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng cho ta, chớ có bất kính"?"*

9) Này các Tỷ-kheo, **Kassapa với tâm như vậy đi đến các gia đình**, nếu không được cho, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho ít, không cho nhiều, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho đồ xấu, không cho đồ tốt, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho chậm, không cho mau, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho bất kính, không cho có kính trọng, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu.

10) Với **Kassapa**, này các Tỷ-kheo, **Ta** sẽ giáo giới các Ông hay với ai giống như Kassapa. Và được giáo giới, các Ông hãy như vậy thọ trì.

9 Kinh ĐẠI Kinh RỪNG SỪNG BÒ – 32 Trung I, 463

ĐẠI KINH RỪNG SỪNG BÒ

(Mahagosingasuttam)

– Bài kinh số 32 – *Trung* I, 463

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại khu vườn trong rừng Gosinga có nhiều cây ta-la cùng với một số đông Thượng Tọa đệ tử nổi tiếng như Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất) Tôn giả Mahamoggallana (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahakassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa), Tôn giả Ananda (A-nan) cùng với một số Thượng Tọa đệ tử nổi tiếng khác. Rồi Tôn giả Mahamoggallana vào buổi chiều, sau khi tham thiền đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Mahakassapa ở, sau khi đến bèn nói với Tôn giả Mahakassapa:

– Hiền giả Kassapa, chúng ta hãy đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahakassapa vâng đáp Tôn giả Mahamoggallana. Rồi Tôn giả Mahamoggallana, Tôn giả Mahakassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp. Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Mahamoggallana, Tôn giả Mahakassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp, sau khi thấy vậy liền đi đến chỗ Tôn giả Revata và nói với Tôn giả Revata:

– Này Hiền giả Revata, các bậc Thượng nhân như vậy đã đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp. Này Hiền giả Revata, chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Revata vâng đáp Tôn giả Ananda. Rồi Tôn giả Revata và Tôn giả Ananda đi đến chỗ Tôn giả Sariputta để nghe pháp. Tôn giả Sariputta thấy Tôn giả Revata, Tôn giả Ananda từ xa đi đến, sau khi thấy bèn nói với Tôn giả Ananda:

– Tôn giả Ananda hãy đến đây, thiện lai, Tôn giả Ananda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn. Này Hiền giả Ananda, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây Ta la trổ hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Ananda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm chói sáng khu

rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát; vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Revata:

– Này Hiền giả Revata, Tôn giả Ananda đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata: Này Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu pháp, tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo này có

thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Anuruddha:

– Này Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha: Này Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, ví như một người có mắt lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp, quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Mahakassapa:

– Này Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa: Này Hiền giả Kassapa, khả

ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo, tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi, tự mình sống khất thực, và tán thán đời sống khất thực, tự mình mặc y phấn tảo và tán thán hạnh mặc y phấn tảo, tự mình sống với ba y và tán thán hạn ba y, tự mình sống thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục, tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ, tự mình sống độc cư và tán thán hạnh sống độc cư, tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục, tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạn tinh cần, tinh tấn, tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh, tự mình thành tựu Thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định, tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ, tự mình thành tựu giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát, tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta nói Tôn giả Mahamoggallana:

– Hiền giả Moggallana, Tôn giả Mahakassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahamoggallana: Này Hiền giả Moggallana, khả ái thay khu rừng Gosinga!... Này Hiền giả Moggallana, hạng Tỳ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về Abhidhamma (A-tỳ-đàm). Các vị ấy hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, các vị trả lời được với nhau chớ không dừng lại (không trả lời được), và cuộc đàm luận về pháp được tiếp tục. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana nói với Tôn giả Sariputta:

– Hiền giả Sariputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sariputta: Này Hiền giả Sariputta, khả ái thay, khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây Ta-la trổ hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?

– Ở đây, này Hiền giả Moggallana, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều

phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallana, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallana, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallana, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Rồi Tôn giả Sariputta nói với các Tôn giả ấy:

– Này chư Hiền, chúng ta đã trả lời theo sự giải thích của chúng ta. Chư Hiền, chúng ta hãy đi đến

chỗ Thế Tôn ở và thuật lại vấn đề này cho Thế Tôn rõ. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tôn giả ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Rồi những Tôn giả ấy đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Tôn giả Revata và Tôn giả Ananda đến tại chỗ con ở để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, con thấy Tôn giả Revata và Tôn giả Ananda từ xa đi đến; thấy vậy, con nói với Tôn giả Ananda:

"– Tôn giả Ananda, hãy đến đây, thiện lai Tôn giả Ananda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn. Này Hiền giả Ananda, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đếm rằm sáng trăng, cây ta-la trổ hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Ananda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga? ’’

Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, Tôn giả Ananda trả lời với con như sau:

"– Ở đây, Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và giữ gìn kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga."

– Lành thay, lành thay, Sariputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Ananda phải trả lời như vậy. Này Sariputta, Ananda là bậc đa văn, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng, với văn cú viên dung lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên.

– Bạch Thế Tôn khi nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Revata:

"– Này Hiền giả Revata, Tôn giả Ananda, đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi

hỏi Tôn giả Revata:

"– Này Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga".

"– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga".

– Lành thay, lành thay, Sariputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Revata phải trả lời như vậy. Này Sariputta, Revata ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch.

– Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, con nói với Tôn giả Anuruddha như sau:

"– Này Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha:

"– Này Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Anuruddha nói với con:

"– Này Hiền giả Sariputta, ở đây, Tỷ-kheo với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, ví như một người có mắt, lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp rồi quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-Kheo với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga".

- Lành thay, lành thay, Sariputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Anuruddha phải trả lời như vậy. Này Sariputta, chính Anuruddha với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên quán sát ngàn thế giới.

– Bạch Thế Tôn, được nói vậy, con nói với Tôn giả Mahakassapa:

"– Này Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay

chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa:

"– Khả ái thay ngôi rừng Gosinga!... (như trên)... Này Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Mahakassapa nói với con:

"– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, Tỷ-kheo tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi, tự mình sống khất thực và tán thán đời sống khất thực, tự mình mặc y phấn tảo và tán thán hạnh mặc y phấn tảo, tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y, tự mình sống thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục, tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ, tự mình sống độc cư và tán thán hạnh độc cư, tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục, tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn, tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh, tự mình thành tựu thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định, tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ, tự mình giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát, tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo ấy có thể làm sáng chói khu rừng

Gosinga."

– Lành thay Sariputta! Nếu trả lời cho được chân chánh, Kassapa phải trả lời như vậy. Này Sariputta, Kassapa tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi... tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến.

– Bạch Thế Tôn, được nói vậy, con nói với Tôn giả Mahamoggallana:

"– Hiền giả Moggallana, Tôn giả Mahakassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahamoggallana:

"– Này Hiền giả Moggallana, khả ái thay khu rưng Gosinga!... Này Hiền giả Moggallana, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Mahamoggallana nói với con:

"– Ở đây, này Hiền giả Sariputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về Abhidhamma, (A-tỳ-đàm). Họ hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, họ trả lời được với nhau, chớ không dừng lại vì không trả lời được, và cuộc đàm luận về pháp của họ được tiếp tục. Này Hiền giả

Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga. "

– Lành thay Sariputta! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Moggallana phải trả lời như vậy. Này Sariputta, Moggallana là bậc thuyết về Chánh pháp.

Được nói vậy, Tôn giả Mahamoggallana bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nói với Tôn giả Sariputta, như sau:

"– Hiền giả Sariputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sariputta:

"– Này Hiền giả Sariputta, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây ta-la trổ hoa cùng khắp, hương trời như tỏa rộng khắp nơi. Này Hiền giả Sariputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

– Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với con:

"– Ở đây, này Hiền giả Moggallana, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều

phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallana, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallana, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, Tỷ-kheo ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallana, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?."

– Lành thay, lành thay, Moggallana! Nếu trả lời cho được chơn chánh, Sariputta phải trả lời như vậy. Này Moggallana, Sariputta điều phục được tâm, không phải Sariputta không điều phục được tâm. An

trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vị nào đã khéo trả lời (câu hỏi được đặt ra)?

– Này Sariputta, tất cả đều lần lượt khéo trả lời.

Và này các Ông hãy nghe Ta nói hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?

Ở đây, này Sariputta, Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khất thực về, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, và nghĩ rằng: **"Ta sẽ không bỏ ngồi kiết-già này cho đến khi tâm của ta được khéo giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ"**. Này Sariputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tôn giả ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

10 Thấy được lợi ích gì mà ông đã lâu ngày sống ở trong rừng.. - Kinh Trở Về Già – Tương II, 348

Trở Về Già – *Tương* II, 348

1) Như vầy tôi nghe.

Tại Ràjagaha, Veluvana.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- Này Kassapa, Ông đã già rồi. Đã cũ nát là những vải gai thô phấn tảo này của Ông đáng được quăng bỏ. Vậy này Kassapa, hãy mang những y áo do các gia chủ cúng, thọ dụng các món ăn được mời và ở gần bên Ta.

4) - Bạch Thế Tôn, con là người đã lâu ngày sống ở rừng, và tán thán hạnh ở rừng; con là người đi khất thực và tán thán hạnh khất thực; con là người mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo; con là người mang ba y và tán thán hạnh mang ba y; con là

người thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục; con là người tri túc và tán thán hạnh tri túc; con là người sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly; con là người sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp; con là người tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

5) - *Này Kassapa, Ông thấy có lợi ích gì mà ông đã lâu ngày sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng... đi khất thực.. mang y phấn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần?*

6) - Bạch Thế Tôn, con thấy có hai lợi ích nên đã lâu ngày con sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng... con đi khất thực... con mang y phấn tảo... con mang ba y... con thiểu dục... con tri túc... con sống viễn ly... con sống không giao thiệp... con sống tinh cần và tán thán hạnh sống tinh cần.

7) Con thấy tự mình được **hiện tại an lạc trú** và **vì lòng từ mẫn** đối với chúng sanh sắp đến, mong rằng các chúng sanh sắp đến sẽ bắt chước (ditthanugatim):"*Đối với các đệ tử Phật và tùy Phật (Buddhànubuddhasàvakà), mong họ trong một thời gian dài trở thành những vị sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng... những vị đi khất thực... những vị mang y phấn tảo... những vị mang ba y... những vị thiểu dục... những vị tri túc... những vị viễn ly... những vị*

không giao thiệp... những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần... họ sẽ thực hành như vậy, và như vậy trong một thời gian dài họ sống hạnh phúc an lạc ".

8) Bạch Thế Tôn, thấy được hai lợi ích này, con sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng... con đi khất thực và tán thán hạnh khất thực... mang y phấn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... viễn ly... không giao thiệp... sống tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

9) - *Lành thay, lành thay, Kassapa!* ***Thật vì hạnh phúc cho quần sanh****, này Kassapa, Ông đã thực hành (như vậy), vì an lạc cho quần sanh, vì lòng từ mẫn với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.*

10) Do vậy, này Kassapa, ***hãy mang vải gai thô, phấn tảo đáng được quăng bỏ. Hãy sống khất thực và trú ở trong rừng!***

11 Thế Tôn đã tuyên bố cái gì - Kinh Sau Khi Chết – Tương II, 382

Sau Khi Chết – *Tương* II, 382

1) Một thời Tôn giả Mahà Kassapa và Tôn giả Sàriputta trú ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư Tiên đọa xứ), ở Migadaya (Lộc Uyển).

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều từ chỗ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Mahà Kassapa:

- *Này Hiền giả Kassapa, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết không?*

- Này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

4) -Như vậy, này Hiền giả, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết?

- Cũng vậy, này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai không tồn tại sau khi chết".

5) - Như vậy, này Hiền giả, có phải Như Lai có tồn tại, và không tồn tại sau khi chết?

- Này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết".

6) - Vậy này Hiền giả, có phải Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

- Cũng vậy, này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

7) - *Này Hiền giả, vì sao Thế Tôn không có tuyên bố như vậy?*

- Vì đây, này Hiền giả, không đưa đến lợi ích, không đưa đến cứu cánh Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Thế Tôn không có tuyên bố như vậy.

8) - *Vậy này Hiền giả, Thế Tôn tuyên bố cái gì?*

- "Đây là khổ", này Hiền giả, Thế Tôn đã tuyên bố.
- "Đây là khổ tập", Thế Tôn đã tuyên bố.

- "Đây là khổ diệt", Thế Tôn đã tuyên bố.
- "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", Thế Tôn đã tuyên bố.

9) - *Vì sao, này Hiền giả, Thế Tôn đã tuyên bố như vậy?*

- Vì đây, này Hiền giả, đưa đến lợi ích, đưa đến cứu cánh Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Thế Tôn đã tuyên bố như vậy.

12 Tùy theo mong muốn Ta... Kassapa cũng... - Kinh Thiền Và Thắng Trí – Tương II, 363

Thiền Và Thắng Trí – *Tương* II, 363

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Ta** ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ...

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Kassapa** cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

3) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm.

4) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

5) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

6) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng. Ta nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng... chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

7) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Không vô biên xứ... chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

8) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Thức vô biên xứ... chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

9) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng... chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

10) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.

Tùy theo mong muốn... Kassapa cũng... chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.

11) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta chứng đạt các loại thần thông. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên, đi ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng chứng đạt được các loại thần thông... bay đến cõi Phạm thiên.

12) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: chư Thiên và loài Người, xa và gần.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với thiên nhĩ thanh tịnh... xa và gần.

13) Tùy theo mong muốn, này các Tỳ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài Người với tâm của mình, Ta có thể biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham, tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân, tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si, tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm không chuyên chú biết là tâm không chuyên chú, đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm, tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng, tâm Thiền định biết là tâm Thiền định, tâm không Thiền định biết là tâm không Thiền định, tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát".

Tùy theo mong muốn, này các Tỳ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài Người; với tâm của mình, Kassapa cũng được biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham... tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát".

14) Tùy theo mong muốn, này các Tỳ-kheo, Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm

đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... và các chi tiết.

15) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy các chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh ấy làm những ác hạnh về thân, lời, ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo

chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết các chúng sanh... đều do hạnh nghiệp của họ.

16) Và **Ta**, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, Ta chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** cũng với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

13 Tỷ kheo ni Thulatissa - Kinh Trú Xứ – Tương II, 370

Trú Xứ – *Tương* II, 370

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Kassapa trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

I

2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa.

3) Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Mahà Kassapa:

- Thưa Tôn giả, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

- Hãy đi, này Hiền giả Ananda. Hiền giả là người có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

4) Lần thứ hai, Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Mahà Kassapa:

- Hãy đi, thưa Tôn giả, chúng ta đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

- Hãy đi, này Hiền giả Ananda. Hiền giả là người có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

5) Lần thứ ba, Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Mahà Kassapa:

- Hãy đi, thưa Tôn giả, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

6) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát cùng với Tôn giả Ananda, là Sa-môn tùy tùng, đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni, sau khi đi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

II

7) Rồi nhiều Tỷ-kheo-ni đi đến Tôn giả Mahà Kassapa; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahà Kassapa, rồi ngồi xuống một bên.

8) Tôn giả Mahà Kassapa với pháp thoại giảng cho các vị Tỷ-kheo-ni đang ngồi một bên ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

9) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa, sau khi với pháp thoại giảng cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn

khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

10) Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissà không hoan hỷ, nói lên những lời không hoan hỷ: *"Làm sao Tôn giả Mahà Kassapa trước mặt Vedehamuni Ananda, lại nghĩ đến thuyết pháp; ví như một người bán kim lại nghĩ, có thể bán kim cho người làm kim? Cũng vậy, Tôn giả Mahà Kassapa, trước mặt Vedehamuni Ananda lại nghĩ đến thuyết pháp"*.

11) Tôn giả Mahà Kassapa nghe được lời nói này của Tỷ-kheo-ni Thullatissà.

III

12) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda:

- *Thế nào, Hiền giả Ananda, ta là người bán kim, Hiền giả là người làm kim,* ***hay*** *ta là người làm kim, Hiền giả là người bán kim?*

- Hãy kham nhẫn, thưa Tôn giả Kassapa, ngu si là đàn bà!

13) - Hãy đến, Hiền giả Ananda, chớ để cho chúng Tăng truy cứu thêm về Hiền giả. Hiền giả Ananda, Hiền giả nghĩ thế nào?

14) Có phải trước mặt Thế Tôn, và giữa chúng Tăng, Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: *"Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Ta** ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ànanda cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ "?*

- Thưa Tôn giả, không phải vậy.

15) - Này Hiền giả, có phải trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, ta được Thế Tôn đề cập như sau: *"Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Ta** ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, **Kassapa** cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ "?*

16-29) (Chín thứ đệ định và năm trí giống như trên.)

30) - Hiền giả nghĩ thế nào? Này Hiền giả, có phải, này Ananda, trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: *"Và **Ta**, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu*

hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Ànanda cũng vậy, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát"?

- Thưa Tôn giả, không phải vậy.

31) - Chính ta, này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo, được Thế Tôn đề cập như sau: *"Này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí, **Ta** chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** cũng vậy, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát".*

32) Này Hiền giả, ai nghĩ rằng có thể che đậy **sáu** thắng trí của ta được, thời không khác gì họ nghĩ rằng có thể lấy một lá cây ta-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay rưỡi bề cao.

IV

33) Nhưng Tỷ-kheo-ni Thullatissà đã từ bỏ đời sống Phạm hạnh.

14 Tỷ kheo ni Thulatissa - Kinh Y Áo – Tương II, 374

Y Áo – *Tương* II, 374

1) Một thời Tôn giả Mahà Kassapa trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm) tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

I

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đang đi du hành ở Dakhinàgiri (Nam Sơn), cùng với đại chúng Tỷ-kheo.

3) Lúc bấy giờ có khoảng ba mươi Tỷ-kheo đệ tử của Tôn giả **Ananda**, phần lớn còn trẻ tuổi, từ bỏ sự tu học và hoàn tục.

II

4) Rồi Tôn giả Ananda, sau khi du hành ở Nam Sơn, tùy theo ý muốn, rồi đi đến Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahà Kassapa rồi ngồi xuống một bên.

5) Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda đang ngồi xuống một bên:

- Duyên bao nhiêu lợi ích, này Hiền giả Ananda, Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ?

*6) - Duyên **ba** lợi ích, thưa Tôn giả Kassapa, nên Thế Tôn chế định điều luật **"Chỉ ba người ăn"** đối với các gia chủ, để ngăn chận các người ác giới, vì sự lạc trú của các Tỷ-kheo chánh hạnh, chớ để cho ai dựa vào những ác đảng phá hoại chúng Tăng, và vì lòng từ mẫn đối với các gia đình. Thưa Tôn giả Kassapa, do duyên ba lợi ích này nên Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ.*

*7) - Vậy thời vì sao, này Hiền giả Ananda, Hiền giả lại cùng du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác? Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ dẫm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ananda, đang sụp đổ. Đồ chúng niên thiếu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tan rã! **Đứa trẻ này không biết lượng sức mình!***

8) - Thưa Tôn giả Kassapa, trên đầu tôi, tóc bạc đã sanh, tuy vậy, hôm nay Tôn giả Mahà Kassapa gọi tôi là đứa trẻ, tôi không có phật lòng.

9) - Thật vậy, này Hiền giả Ananda, Hiền giả du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác. Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ dẫm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ananda, đang sụp đổ. Đồ chúng niên thiếu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tiêu diệt. Đứa trẻ này không biết lượng sức mình.

III

10) Tỷ-kheo-ni Thullatissà được nghe Tôn giả Ananda, bậc Thánh Vedeha lại bị Tôn giả Mahà Kassapa không hài lòng và gọi là "đứa trẻ".

11) Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissà không hoan hỷ và thốt ra những lời không hoan hỷ: "Sao Tôn giả Mahà Kassapa, trước kia là người theo ngoại đạo, lại nghĩ có thể không hài lòng và gọi Tôn giả Ananda, bậc Thánh Vedeha là đứa trẻ?"

12) Tôn giả Mahà Kassapa được nghe những lời của Tỷ-kheo-ni Thullatissà nói như vậy.

13) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda:

- Này Hiền giả Ananda, lời nói của Tỷ-kheo-ni Thullatissà thật là đường đột, không đắn đo suy nghĩ! Này Hiền giả, vì rằng ta là người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, ta không chấp nhận một Đạo Sư nào khác ngoài Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

14) Này Hiền giả, trong khi ta còn là gia chủ, ý nghĩ sau đây được khởi lên: "Chật hẹp thay đời sống tại gia, đầy những bụi đời! Còn xuất gia như đời sống ngoài trời. Thật không dễ dàng ở trong gia đình có thể sống Phạm hạnh, hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

15) Rồi này Hiền giả, sau một thời gian ta lấy vải cắt làm áo Tăng-già-lê, và theo thông lệ các vị Ứng Cúng ở đời, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16) Xuất gia như vậy, ta đang đi trên đường, thấy Thế Tôn ngồi tại ngôi đền Bahaputta giữa Ràjagaha và Nàlandà. Thấy vậy, ta suy nghĩ như sau: *"Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy **bậc Đạo Sư**, tức là có thể*

*thấy bậc Thế Tôn! Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy **bậc Thiện Thệ**, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn! Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy **bậc Chánh Đẳng Giác**, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn?"*

17) Và này Hiền giả, ngay tại chỗ ấy, ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

*"- Bạch Thế Tôn, **Đạo Sư của con là Thế Tôn. Con là đệ tử**".*

18) Khi nghe nói vậy, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

- Này Kassapa, những ai với tâm trọn vẹn đầy đủ, không biết một đệ tử mà nói rằng tôi biết, không thấy mà nói rằng tôi thấy, đầu người ấy sẽ vỡ tan. Còn Ta, này Kassapa, Ta biết thời Ta nói Ta biết, Ta thấy thời Ta nói Ta thấy.

19) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: *"Một tâm quý thật sắc sảo sẽ phải được thiết lập giữa các vị Trưởng lão, niên thiếu và trung niên"*. Này Kassapa, Ông phải học tập như vậy.

20) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: *"Phàm pháp gì tôi nghe, liên hệ đến thiện, sau khi đặc biệt chú ý, tác ý, tập trung tất cả tâm (lực), tất*

cả pháp ấy tôi đều lóng tai nghe". Này Kassapa, Ông phải học tập như vậy.

21) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: *"Phàm niệm gì thuộc về thân hành, câu hữu với hỷ, ta sẽ không bỏ niệm ấy".* Này Kassapa, Ông phải học tập như vậy ".

22) Rồi này Hiền giả, Thế Tôn sau khi giáo giới ta với lời giáo giới ấy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

23) Trong bảy ngày, này Hiền giả, đang còn phiền não, ta ăn món ăn của quốc độ, đến ngày thứ tám, **chánh trí** khởi lên.

24) Rồi này Hiền giả, Thế Tôn từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây.

25) Rồi này Hiền giả, ta xấp tư tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt, rồi bạch Thế Tôn:

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ngồi xuống ở đây, để con được hạnh phúc an lạc lâu dài".

26) Này Hiền giả, Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

27) Sau khi ngồi xuống, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

"- Thật là mềm dịu, này Kassapa, là tấm y Tăng-già-lê này làm bằng vải cắt của Ông ".

"- Bạch Thế Tôn, mong rằng Thế Tôn nhận lấy tấm y làm bằng vải cắt này từ nơi con, vì lòng từ mẫu đối với con".

28) "- Này Kassapa, Ông **có** dùng tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Ta không?".

" - Con sẽ dùng, bạch Thế Tôn, tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Thế Tôn".

29) Như vậy, này Hiền giả, ta cúng cho Thế Tôn tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt; còn ta thời dùng tấm y phấn tảo của Thế Tôn, làm bằng vải gai thô đáng được quăng bỏ.

30) Và này Hiền giả, nếu ai có nói về ta một cách chơn chánh, thời **ta là con ruột Thế Tôn**, **sanh ra từ miệng, do pháp sanh, do pháp hóa sanh, thừa tự Chánh pháp và đã nhận được tấm y phấn tảo,** làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ.

31) Này Hiền giả, **tùy theo mong muốn**, ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

32-46) Và này Hiền giả, tùy theo mong muốn, ta... (chín thứ đệ định và năm thắng trí)...

47) Và này Hiền giả, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt, và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

48) Này Hiền giả, ai nghĩ rằng có thể che đậy **sáu thắng trí** của ta được, thời không khác gì nghĩ rằng có thể lấy một lá cây ta-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay rưỡi bề cao.

49) Nhưng Tỷ-kheo-ni Thullatissà đã từ bỏ đời sống Phạm hạnh.

15 Đạo sư của con là Thế Tôn, con là đệ tử - Kinh Y Áo – Tương II, 374

Y Áo – *Tương* II, 374

1) Một thời Tôn giả Mahà Kassapa trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm) tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

I

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đang đi du hành ở Dakhinàgiri (Nam Sơn), cùng với đại chúng Tỳ-kheo.

3) Lúc bấy giờ có khoảng ba mươi Tỳ-kheo đệ tử của Tôn giả **Ananda**, phần lớn còn trẻ tuổi, từ bỏ sự tu học và hoàn tục.

II

4) Rồi Tôn giả Ananda, sau khi du hành ở Nam Sơn, tùy theo ý muốn, rồi đi đến Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Tôn giả Mahà Kassapa, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahà Kassapa rồi ngồi xuống một bên.

5) Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda đang ngồi xuống một bên:

- Duyên bao nhiêu lợi ích, này Hiền giả Ananda, Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ?

*6) - Duyên **ba** lợi ích, thưa Tôn giả Kassapa, nên Thế Tôn chế định điều luật **"Chỉ ba người ăn"** đối với các gia chủ, để ngăn chận các người ác giới, vì sự lạc trú của các Tỷ-kheo chánh hạnh, chớ để cho ai dựa vào những ác đảng phá hoại chúng Tăng, và vì lòng từ mẫn đối với các gia đình. Thưa Tôn giả Kassapa, do duyên ba lợi ích này nên Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ.*

*7) - Vậy thời vì sao, này Hiền giả Ananda, Hiền giả lại cùng du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác? Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ dẫm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ananda, đang sụp đổ. Đồ chúng niên thiếu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tan rã! **Đứa trẻ này không biết lượng sức mình!***

8) *- Thưa Tôn giả Kassapa, trên đầu tôi, tóc bạc đã sanh, tuy vậy, hôm nay Tôn giả Mahà Kassapa gọi tôi là đứa trẻ, tôi không có phật lòng.*

9) - Thật vậy, này Hiền giả Ananda, Hiền giả du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác. Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ dẫm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ananda, đang sụp đổ. Đồ chúng niên thiếu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tiêu diệt. Đứa trẻ này không biết lượng sức mình.

III

10) Tỷ-kheo-ni Thullatissà được nghe Tôn giả Ananda, bậc Thánh Vedeha lại bị Tôn giả Mahà Kassapa không hài lòng và gọi là "đứa trẻ".

11) Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissà không hoan hỷ và thốt ra những lời không hoan hỷ: "Sao Tôn giả Mahà Kassapa, trước kia là người theo ngoại đạo, lại nghĩ có thể không hài lòng và gọi Tôn giả Ananda, bậc Thánh Vedeha là đứa trẻ?"

12) Tôn giả Mahà Kassapa được nghe những lời của Tỷ-kheo-ni Thullatissà nói như vậy.

13) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa nói với Tôn giả Ananda:

- Này Hiền giả Ananda, lời nói của Tỷ-kheo-ni Thullatissà thật là đường đột, không đắn đo suy nghĩ! Này Hiền giả, vì rằng ta là người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, ta không chấp nhận một Đạo Sư nào khác ngoài Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

14) Này Hiền giả, trong khi ta còn là gia chủ, ý nghĩ sau đây được khởi lên: "Chật hẹp thay đời sống tại gia, đầy những bụi đời! Còn xuất gia như đời sống ngoài trời. Thật không dễ dàng ở trong gia đình có thể sống Phạm hạnh, hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

15) Rồi này Hiền giả, sau một thời gian ta lấy vải cắt làm áo Tăng-già-lê, và theo thông lệ các vị Ứng Cúng ở đời, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16) Xuất gia như vậy, ta đang đi trên đường, thấy Thế Tôn ngồi tại ngôi đền Bahaputta giữa Ràjagaha và Nàlandà. Thấy vậy, ta suy nghĩ như sau: *"Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy **bậc Đạo Sư**, tức là có thể*

thấy bậc Thế Tôn! Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy ***bậc Thiện Thệ****, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn! Ôi thật thế chăng, ta có thể thấy* ***bậc Chánh Đẳng Giác****, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn?"*

17) Và này Hiền giả, ngay tại chỗ ấy, ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

"- Bạch Thế Tôn, ***Đạo Sư của con là Thế Tôn. Con là đệ tử****".*

18) Khi nghe nói vậy, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

- Này Kassapa, những ai với tâm trọn vẹn đầy đủ, không biết một đệ tử mà nói rằng tôi biết, không thấy mà nói rằng tôi thấy, đầu người ấy sẽ vỡ tan. Còn Ta, này Kassapa, Ta biết thời Ta nói Ta biết, Ta thấy thời Ta nói Ta thấy.

19) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: *"Một tâm quý thật sắc sảo sẽ phải được thiết lập giữa các vị Trưởng lão, niên thiếu và trung niên"***.** Này Kassapa, Ông phải học tập như vậy.

20) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: *"Phàm pháp gì tôi nghe, liên hệ đến thiện, sau khi đặc biệt chú ý, tác ý, tập trung tất cả tâm (lực), tất*

cả pháp ấy tôi đều lóng tai nghe". Này Kassapa, Ông phải học tập như vậy.

21) Do vậy, này Kassapa, Ông phải học tập như sau: *"Phàm niệm gì thuộc về thân hành, câu hữu với hỷ, ta sẽ không bỏ niệm ấy".* Này Kassapa, Ông phải học tập như vậy ".

22) Rồi này Hiền giả, Thế Tôn sau khi giáo giới ta với lời giáo giới ấy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

23) Trong bảy ngày, này Hiền giả, đang còn phiền não, ta ăn món ăn của quốc độ, đến ngày thứ tám, **chánh trí** khởi lên.

24) Rồi này Hiền giả, Thế Tôn từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây.

25) Rồi này Hiền giả, ta xấp tư tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt, rồi bạch Thế Tôn:

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ngồi xuống ở đây, để con được hạnh phúc an lạc lâu dài".

26) Này Hiền giả, Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

27) Sau khi ngồi xuống, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

"- Thật là mềm dịu, này Kassapa, là tấm y Tăng-già-lê này làm bằng vải cắt của Ông ".

"- Bạch Thế Tôn, mong rằng Thế Tôn nhận lấy tấm y làm bằng vải cắt này từ nơi con, vì lòng từ mẫu đối với con".

28) "- Này Kassapa, Ông **có** dùng tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Ta không?".

" - Con sẽ dùng, bạch Thế Tôn, tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Thế Tôn".

29) Như vậy, này Hiền giả, ta cúng cho Thế Tôn tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt; còn ta thời dùng tấm y phấn tảo của Thế Tôn, làm bằng vải gai thô đáng được quăng bỏ.

30) Và này Hiền giả, nếu ai có nói về ta một cách chơn chánh, thời **ta là con ruột Thế Tôn**, **sanh ra từ miệng, do pháp sanh, do pháp hóa sanh, thừa tự Chánh pháp và đã nhận được tấm y phấn tảo,** làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ.

31) Này Hiền giả, **tùy theo mong muốn**, ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

32-46) Và này Hiền giả, tùy theo mong muốn, ta... (chín thứ đệ định và năm thắng trí)...

47) Và này Hiền giả, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt, và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

48) Này Hiền giả, ai nghĩ rằng có thể che đậy **sáu thắng trí** của ta được, thời không khác gì nghĩ rằng có thể lấy một lá cây ta-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay rưỡi bề cao.

49) Nhưng Tỷ-kheo-ni Thullatissà đã từ bỏ đời sống Phạm hạnh.

16 Đệ nhất Hạnh đầu đà - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 1 - Tăng I, 49

CÁC VỊ TỶ KHEO 1 – *Tăng* I, 49

1. Trong các đệ tử Tỷ-kheo đã lâu ngày của Ta, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Anna Kondanno** (A-nhã Kiều-trần-như).
2. Trong các vị... đại trí tuệ, tối thắng là **Sàriputta**.
3. Trong các vị... có thần thông, tối thắng là **Mahàmoggalàna**.
4. Trong các vị... thuyết về hạnh đầu đà, tối thắng là **Mahàkassapa**.
5. Trong các vị... thiên nhãn... tối thắng là **Anuruddha**.
6. Trong các vị... thuộc gia đình quý tộc, tối thắng là **Bhaddiva Kàligodhàputta**.
7. Trong các vị... có âm thanh vi diệu, tối thắng là **Lakuntaka** (người lùn) Bhaddiya.

8. Trong các vị... rống tiếng rống con sư tử, tối thắng là **Pindola Bhàradvàja**.
9. Trong các vị... thuyết pháp, tối thắng là **Punna Mantàniputta**.
10. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, thuyết giảng rộng rãi những điều được nói lên một cách vắn tắt, tối thắng là **Mahàkaccàna**.

CÁC VỊ TỶ KHEO 2 – *Tăng* I, 50

1. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, có thể dùng ý hóa thân, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Cullapanthaka**.
2. Trong các vị thiện xảo về tâm thắng tiến (không phải vivaddha của nguyên bản), tối thắng là **Cullapanthaka**.
3. Trong các vị thiện xảo về tưởng thắng tiến... tối thắng là **Mahàpanthaka**.

4. Trong các vị trú không có tranh luận... tối thắng là **Subhuti**.
5. Trong các vị đáng được cúng dường... tối thắng là **Subhuti**.
6. Trong các vị tu ở rừng... tối thắng là **Revata Khadiravaniya**.
7. Trong các vị tu Thiền... tối thắng là **Kankha Revata**.
8. Trong các vị tinh cần tinh tấn... tối thắng là **Sono Koliviso**.
9. Trong các vị khéo nói... tối thắng là **Sono Kutikanna**.
10. Trong các vị nhận được đồ cúng dường... tối thắng là **Sivali**.
11. Trong các đệ tử Tỳ-kheo có tín thắng giải... tối thắng là **Vakkali**.

CÁC VỊ TỶ KHEO 3 – *Tăng* I, 51

1. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, ưa thích học tập, tối thắng là **Ràhula**.
2. Trong các vị... xuất gia vì lòng tin, tối thắng là **Ratthapàla**.
3. Trong các vị... đầu tiên nhận phiếu ăn cơm, tối thắng là **Kunda Dhàna**.
4. Trong các vị... đầy đủ biện tài, tối thắng là **Vangìsa**
5. Trong các vị... dễ mến toàn diện, tối thắng là **Upasena Vangantaputta**.
6. Trong các vị... sửa soạn chỗ ngồi, chỗ nằm, tối thắng là **Dabba Mallaputta.**
7. Trong các vị... được chư Thiên ái mộ, tối thắng là **Pilindavaccha**.
8. Trong các vị... có thắng trí mau lẹ, tối thắng là **Bàhiva Dàructriya**.

9. Trong các vị... thuyết giảng vi diệu, tối thắng là **Kumara Kassapa**.
10. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta đạt được vô ngại giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Màhà-kotthita**.

CÁC VỊ TỶ KHEO 4 – *Tăng* I, 52

1. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta, được nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Ànanda**.
2. Trong các vị... đầy đủ ức niệm, tối thắng là **Ànanda**
3. Trong các vị... đầy đủ cử chỉ tốt đẹp, tối thắng là **Ànanda**.
4. Trong các vị... đầy đủ sự kiên trì, tối thắng là **Ànanda**.

1. 5.Trong các vị... thị giả, tối thắng là **Ànanda**.

5. Trong các vị... có đại hội chúng, tối thắng là **Uruvela Kassapa**.
6. Trong các vị... làm cho các gia-đình hoan hỷ, tối thắng là **Kàludàyì**.
7. Trong các vị... không có bệnh hoạn, tối thắng là **Bakkula**.
8. Trong các vị... nhớ đến các đời sống quá khứ, tối thắng là **Sobhita**.
9. Trong các vị... trì Luật, tối thắng là **Upàli**.
10. Trong các vị... giáo giới Tỳ-kheo-ni, tối thắng là **Nandaka**.
11. Trong các vị... hộ trì các căn môn,... tối thắng là **Nanda**.
12. Trong các vị... thiện xảo về hỏa giới,... tối thắng là **Sàgata**.
13. Trong các vị... giáo giới các Tỷ-kheo,... tối thắng là **Màhakappina**.

14. Trong các vị... năng khởi biện tài,... tối thắng là **Ràdha**.

15. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta mang thô y, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Moghràjà**.